



dà gōng gào chéng
大功告成

idiom · accomplished successfully

Example Sentences

Xiàng mù zhōng yú dà gōng gào chéng le
项目终于大功告成了。

The project has finally been accomplished successfully.

Jīng guò nǔ lì wǒ men dà gōng gào chéng
经过努力，我们大功告成。

After hard work, we succeeded.

Trace each character, then write the word on your own.

大	大	大	大	大	大						
功	功	功	功	功	功	功	功				
告	告	告	告	告	告	告	告	告	告		
成	成	成	成	成	成	成	成	成			